

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2026/DS-PT  
Ngày 20 - 01 - 2026  
V/v tranh chấp quyền về lối đi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Ngô Thị Kim Châu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2025/TLPT-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp quyền về lối đi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST, ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 615/2025/QĐPT-DS, ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số B khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số B khu phố B, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số B ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số B ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; địa chỉ: số B khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số B khu phố B, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

3. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1977;

Địa chỉ: số C ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số C ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 1 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số 105/3 ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà Nguyễn Thị M:* Luật sư Trần Nhật Long H1, Đoàn luật sư tỉnh V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Ngọc H2, sinh năm 1987; địa chỉ: 3 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là 34/3 ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ngọc H2:* Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1977; địa chỉ: số C ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre Tre (nay là số C ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Ú là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị M là em ruột của bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú.

Bà D là chủ sử dụng phần đất thuộc các thửa 35 và 163, tờ bản đồ số 8, hiện trạng là đất trồng cây lâu năm; bà Nguyễn Thị H là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 9, bà H đang cất nhà ở; ông Nguyễn Văn Ú là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 9, ông Ú đang có nhà ở cùng vợ là bà Trần Thị Ngọc H2, các phần đất nêu trên cùng tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long). Nguồn gốc các thửa đất này là của cha mẹ tặng cho các nguyên đơn. Tuy nhiên, các thửa đất của bà D, bà H và ông Ú không tiếp giáp với đường đi công cộng, để đi ra đường công cộng (đường H) các nguyên đơn phải đi qua thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) của bà Nguyễn Thị M. Nguồn gốc, thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9 là của Cha mẹ để lại cho bà Ú. Sau khi cha mẹ chết bà Ú không cho các ông bà đi ngang qua thửa đất số 82 để ra hương lộ B.

Nay bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M mở lối đi ngang 2m dài từ kênh đến hương lộ B diện tích 270,3 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 82 của bà Nguyễn Thị M.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà Nguyễn Thị M là chủ sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.484m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long). Thửa đất này là tài sản của cá nhân bà M, hiện tại bà M không có đăng ký kết hôn với ai. Nguồn gốc đất được cha mẹ của bà M tặng cho.

Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bởi vì trước đây các nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện bà M để yêu cầu mở lối đi trên phần đất của bà M, lúc này các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi ở một vị trí khác không trùng với lối đi yêu cầu hiện nay (sau đó đã rút đơn khởi kiện).

Lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu mở là không hợp lý, bởi vì lối đi này nằm ở giữa thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9 làm ảnh hưởng đến quyền của chủ sử dụng đất, chia đất của bà M thành 2 miếng, không thuận tiện trong việc canh tác, quản lý và sử dụng đất.

Nay bị đơn Nguyễn Thị M đồng ý mở lối đi khác cho các nguyên đơn sử dụng làm lối đi cũng thuộc một phần của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) có diện tích 214,5m<sup>2</sup>, qua đo đạc thực tế có ký hiệu 82d theo họa đồ thửa đất số 82, tờ bản đồ số

9 ngày 20/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ), bà M yêu cầu các nguyên đơn phải liên đới đền bù giá trị đất trên lối đi bằng 195.557.000 đồng và yêu cầu bồi thường cây trồng có trên đất theo kết quả của Hội đồng định giá. Lối đi bị đơn đồng ý mở cho các nguyên đơn đi là đất bằng phẳng, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn đã gia cố lại phần đất ao bằng việc làm bờ đất bằng phẳng cho nguyên đơn làm lối đi với chi phí là 3.000.000 đồng, bà M đồng ý chịu chi phí này, không yêu cầu các nguyên đơn phải trả lại.

Tại bản án sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M mở cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú lối đi có diện tích 270,3m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long), qua đo đạc thực tế có ký hiệu: thửa 82d diện tích 263,4m', thửa 82e diện tích 4,7m và thửa 82f diện tích 2, theo họa đồ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9 ngày 10/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M về việc cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú lối đi có tổng diện tích 214,5m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) có lối đi ra đường công cộng, qua đo đạc thực tế có ký hiệu thửa 82d, theo họa đồ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9 ngày 20/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ).

2.1. Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú được quyền đón, chặt, dời toàn bộ tài sản gồm cây trồng, vật kiến trúc có trên phần đất mở lối đi và được tu bổ, sửa chữa cải tạo, tôn tạo để sử dụng vào mục đích làm lối đi.

2.2. Phần lối đi này, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú chỉ được sử dụng vào mục đích làm lối đi chung không được dùng vào mục đích khác.

2.3. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M đối với diện tích làm lối đi là 214,5m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long), qua đo đạc thực tế có ký hiệu thửa 82d, theo họa đồ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9 ngày 20/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ).

2.4. Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất hạn chế đối với phần lối đi có diện tích 214,5m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa đất 82, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long), qua đo đạc thực tế có ký hiệu thửa 82d, theo họa đồ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9 ngày 20/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ).

2.5. Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ liên đới đền bù thiệt hại tài sản có trên đất và giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền là 213.080.000 đồng (*Hai trăm mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/9/2025 bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thị Ú1 kháng cáo yêu cầu mở lối đi cặp thửa 61 dài 63,39 m (vị trí 82d) và từ thửa 70 sang thửa 57 tại vị trí 82b không phải đền bù giá trị đất cho bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không rút đơn kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị M thống nhất mở lối đi từ thửa 57 sang thửa 70 ngang 1,5 m dài 6,68 m các bên không phải đền bù việc sử dụng phần đất này làm lối đi. Đoạn lối đi cặp thửa đất số 61 diện tích 81,7m<sup>2</sup> ký hiệu 82d-1 bên nguyên đơn yêu cầu không đền bù giá trị đất, bên bị đơn yêu cầu đền bù giá trị đất và cây trồng trên đất.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Thửa đất 82 là của bà Nguyễn Thị M được cha mẹ cho không có lối đi của các nguyên đơn. Bên bà M đồng ý cho các nguyên đơn đi trên đoạn 1,5m dài từ thửa đất số 57 của bà H sang thửa đất số 70 của ông Ú và không phải thanh toán giá trị đất đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với đoạn đường đi từ Hương lộ B đến thửa đất số 70, buộc bên nguyên đơn phải bồi thường giá trị cây trồng và thanh toán giá trị đất theo kết quả định giá của cấp sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Bên bà M đồng ý cho các nguyên đơn đi trên đoạn 1,5m dài từ thửa đất số 57 của bà H sang thửa đất số 70 của ông Ú diện tích 9,9 m<sup>2</sup> và không phải thanh toán giá trị đất đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với đoạn đường đi từ Hương lộ B đến thửa đất số 70 có diện tích 81,7 m<sup>2</sup> buộc bên nguyên đơn phải bồi thường giá trị cây trồng và thanh toán giá trị đất theo kết quả định giá của cấp sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú không phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Ú còn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử phúc

thẩm. Ngày 31/12/2025 bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ú kháng cáo bổ sung. Đơn kháng cáo bổ sung này khác với đơn kháng cáo ngày 3/9/2025 là quá hạn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo ngày 31/12/2025 của bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ú.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ú mở lối đi cặp thửa 61 dài 63,39 m (vị trí 82d) và từ thửa 70 sang thửa 57 tại vị trí 82b.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M cũng thống nhất mở lối đi cặp ranh thửa đất số 61 dài từ Hương lộ 25 đến thửa đất số 70 của ông Nguyễn Văn Ú. Nhưng phía bà D và bà H yêu cầu mở lối đi dài đến đường đi cặp kênh công cộng cho bà Nguyễn Thị D cùng đi chung. Sau khi cấp sơ thẩm xử mở lối đi vị trí 82d diện tích 214,5 m<sup>2</sup>. Các nguyên đơn kháng cáo xin mở lối đi có diện tích ít hơn bà D và bà H đi qua thửa 70 của ông Nguyễn Văn Ú để đi cặp thửa đất số 61 ra đường hương lộ 25.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/12/2025 giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất mở lối đi từ thửa đất số 57 sang thửa 70 ngang 1,5m để cho bà H và bà D đi sang đất của ông Ú thửa đất số 70, sau đó đi từ thửa đất số 70 đến hương lộ 25 phía giáp ranh thửa đất số 61. Việc mở lối đi mới là ít thiệt hại đất của bà Nguyễn Thị M nên chấp nhận.

Đoạn mở lối đi ngang 1,5 mét dài 6,68 mét diện tích 9,9 m<sup>2</sup> bên nguyên đơn và bị đơn thống nhất không thanh toán giá trị đất nên ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ú1 không đồng ý bồi thường giá trị đất và cây trồng trên lối đi của bà Nguyễn Thị M diện tích 81,7 m<sup>2</sup> ký hiệu 82d-1.

Trên phần đất bà Nguyễn Thị M đồng ý mở lối đi cho ông Nguyễn Văn Ú giáp thửa đất số 61 của bà Nguyễn Thị N. Theo biên bản thẩm định ngày 24/10/2023 có 02 bụi chuối, 04 cây dừa đang cho trái và 01 cây chưa cho trái. Theo biên bản định giá ngày 22/4/2025 thì 04 cây dừa cho trái chưa ổn định giá 6.500.000 đồng, một cây dừa dưới một năm tuổi giá 263.000 đồng một bụi chuối giá 257.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất 7.020.000 đồng.

Giá đất cây lâu năm vị trí 1 ( 0-85 m) giá 1.235.000đ/ m<sup>2</sup> diện tích lối đi 81,7 m<sup>2</sup> x 1.235.000 đ/m<sup>2</sup>= 100.899.500 đồng.

Thửa đất số 82 Ủy ban nhân dân cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M sử dụng không có lối đi công cộng cho bà D, bà H, ông Ú. Nay mở lối đi cho các nguyên đơn ảnh hưởng việc sử dụng đất của bà M. Theo quy định khoản 1 Điều 254 Bộ Luật dân sự quy định “*Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Thửa đất 82 có nguồn gốc của cha mẹ của các đương sự trong vụ án cho bà M, không phải do bà M tạo lập, việc mở lối đi không làm mất đi quyền sử dụng đất của bà M, do đó buộc bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Ú phải đền bù 70% giá trị đất bằng 70.629.650 đồng.

[4] Từ những nhận định trên chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn sửa một phần bản án sơ thẩm. Việc sửa bản án sơ thẩm không có lỗi do nguyên đơn, bị đơn có thay đổi yêu cầu về vị trí mở lối đi.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[7] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Út

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 36/2025/DS-ST, ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M mở lối đi cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú, lối đi có tổng diện tích 81,7 m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long) có lối đi ra đường công cộng,

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M mở lối đi ngang 1,5 m dài một cạnh 6,68 m một cạnh 6,7 m có diện tích 9,9 m<sup>2</sup> có ký hiệu 82d-3, 82c-1 trên sơ đồ khu đất cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú.

*(Vị trí lối đi ký hiệu thửa 82d-1, 82d-3, 82c-1 theo họa đồ thửa đất Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất khu vực 26 kèm theo bản án).*

2. Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng trên lối đi cho bà Nguyễn Thị M bằng 7.020.000 đồng và giá trị đất bằng 70.629.000 đồng. Tổng cộng bằng 77.649.000 đồng *(Bảy mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn đồng).*

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú không phải chịu. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí của bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ú mỗi người 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002442, 0002444, 0002443 ngày 03/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 9 –Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9-Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thành Trung**